

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 5 - TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 7 - 2026

"*V/v Ly hôn*"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Tuấn Vĩnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Văn Tú

Ông Hoàng Minh Tuấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Chung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2026/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2026; về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2026/QĐST-DS, ngày 29 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Lê Đắc T, sinh năm 1994; căn cước công dân số: 027094007845, cấp ngày: 27/01/2023; nơi cấp: Cục C - Bộ C1; địa chỉ cư trú: Xóm A, thôn C, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh; "có mặt".

**- Bị đơn:** Chị Trần Thị K, sinh năm 1999; căn cước công dân số: 002199004495, cấp ngày: 04/8/2022; nơi cấp: Cục C - Bộ C1; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã T, tỉnh Tuyên Quang; "vắng mặt lần 2, không có lý do".

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2026 và tại phiên tòa anh Lê Đắc T trình bày:* Anh và chị Trần Thị K tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau từ năm 2023, trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Bắc Ninh) vào ngày 13/01/2023. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc với nhau được thời gian đầu của thời kỳ hôn nhân sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm và không tìm

được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình; việc mâu thuẫn của vợ chồng anh đã được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả; do mâu thuẫn vợ chồng nên vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 08 năm 2024 cho đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm gì đến nhau nữa; anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy anh làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang giải quyết cho anh được ly hôn chị Trần Thị K theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh Lê Đắc T xác nhận là vợ chồng anh không có con chung; vì vậy khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Lê Đắc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị K vắng mặt, chị K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, không nộp bản tự khai và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án cho Tòa án. Tòa án đã giao Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho chị K, thông qua trưởng thôn T xã T thể hiện chị K đã biết việc anh T yêu cầu ly hôn chị K. Tòa án đã triệu tập bị đơn là chị Trần Thị K nhiều lần để lấy lời khai và tham gia hòa giải nhưng chị K vẫn vắng mặt không có lý do, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại các Biên bản xác minh ngày 04/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang với Trưởng thôn T, xã T và Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã T, tỉnh Tuyên Quang nơi anh Lê Đắc T và chị Trần Thị K sinh sống trước đó phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh chị như sau:

Anh Lê Đắc T và chị Trần Thị K, tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau từ năm 2023, trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Bắc Ninh) vào ngày 13/01/2023. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc với nhau được thời gian đầu của thời kỳ hôn nhân sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình; việc mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả; do mâu thuẫn vợ chồng nên chị K đã xin đi làm Công ty và vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 08 năm 2024 cho đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có con chung; vì vậy khi ly hôn anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và công nợ chung, do anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên chúng tôi không cung cấp thông tin gì thêm.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy

định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Lê Đắc T được ly hôn chị Trần Thị K; Về việc nuôi con chung: Anh Lê Đắc T xác nhận là vợ chồng anh không có con chung; vì vậy khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét; Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề cập xem xét; Về án phí: Nguyên đơn là anh Lê Đắc T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, do anh Lê Đắc T có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Thẩm quyền theo cấp xét xử thì Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc Hội. Bị đơn chị Trần Thị K có nơi cư trú tại thôn T, xã T, tỉnh Tuyên Quang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thẩm quyền theo lãnh thổ là Tòa án nơi bị đơn cư trú nên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án chị K đã nhận văn bản tố tụng của Tòa án nhưng chị K vẫn không có mặt và cũng không có ý kiến gì về việc anh Lê Đắc T yêu cầu ly hôn. Xét thấy Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn chị Trần Thị K vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị K.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đắc T và chị Trần Thị K tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 13/01/2023 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (*nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Bắc Ninh*) nên hôn nhân giữa anh T và chị K là hợp pháp.

[4] Xét về tình trạng hôn nhân: Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị sống hạnh phúc với nhau được thời gian đầu của thời kỳ hôn nhân sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình; việc mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả; do mâu thuẫn vợ chồng nên chị K đã xin đi làm Công ty và vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 08 năm 2024 cho đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Quá trình giải quyết, mặc dù đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho chị K nhưng chị K vẫn vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của anh T. Anh T1 xác định không còn tình cảm với chị K, vợ chồng sống ly thân trong thời gian dài nên anh T1 kiên quyết xin ly hôn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T1 không tạo điều kiện để tiếp tục

chung sống. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh T1 và chị K thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Đắc T.

[5] Về việc nuôi con chung: Thời gian chung sống anh Lê Đắc T xác nhận vợ chồng anh không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về chia tài sản chung, công nợ chung: Anh Lê Đắc T không yêu cầu Tòa án giải quyết; do đó Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Ý kiến, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ cần được chấp nhận.

[8] Về án phí: Anh Lê Đắc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc Hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Lê Đắc T. Anh Lê Đắc T được ly hôn chị Trần Thị K.

**2. Về án phí:** Anh Lê Đắc T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào toàn bộ số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo biên lai thu số: 0000985, ngày 14/5/2026.

**3. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và Điều 36*

*Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 5 - Tuyên Quang;
- Phòng THADS khu vực 5 - Tuyên Quang;
- UBND xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Tuấn Vĩnh**